**KIỂM TRA GKI MÔN HÓA 9 NĂM 2021**

**ĐỀ 1**

**Câu 1:** Dãy oxit tác dụng với nước là:

A. CaO, Fe2O3, SO2, CO2. B. CaO, CuO, CO, N2O5.

C. SO2, MgO, CuO, Ag2O. D. CO2, SO2, P2O5, SO3.

**Câu 2:** Dãy oxit tác dụng với dung dịch axit là:

A. CuO, Fe2O3, SO2, CO2. B. CaO, CuO, CO, N2O5.

C. CuO, Na2O, K2O, ZnO. D. SO2, MgO, CuO, Ag2O.

**Câu 3**: Dãy oxit vừa tác dụng với axit, vừa tác dụng với kiềm là:

A. Al2O3, ZnO B. Al2O3, MgO C. CaO, FeO D. CuO, Al2O3

**Câu 4:** Cặp oxit tác dụng với nhau tạo thành muối là:

A. CO2 và Fe2O3. B. K2O và CO2 C. Al2O3 và SO3. D. MgO và CO.

**Câu 5:** Oxit tác dụng với nước tạo ra dung dịch axit sunfurơ là:

A. CO2 B. SO3 C. SO2 D. K2O

**Câu 6**: Sản phẩm của phản ứng phân hủy canxicacbonat bởi nhiệt là :

A. CaO và CO B. CaO và CO2 C. CaO và SO2 D. CaO và P2O5

**Câu 7:** Dãy gồm các kim loại tác dụng được với dung dịch HCl là:

A. Fe, Cu, Mg. B. Zn, Fe, Cu.

C. Zn, Fe, Al. D. Fe, Zn, Ag

**Câu 8:** CuO tác dụng với dung dịch H2SO4 tạo thành dung dịch:

A. không màu. B. màu hồng. C. màu xanh D. màu vàng

**Câu 9:** Muốn pha loãng axit sunfuric đặc ta phải:

A. rót nước vào axit đặc. B. rót từ từ nước vào axit đặc.

C. rót nhanh axit đặc vào nước. D. rót từ từ axit đặc vào nước.

**Câu 11** : Oxit tác dụng với nước tạo ra dung dịch làm quỳ tím hóa đỏ là:

A. CO B. P2O5 C. Na2O D. MgO

**Câu 14**. Bazơ tan và không tan có tính chất hoá học chung là:

A. làm quỳ tím hoá xanh

B. tác dụng với oxit axit tạo thành muối và nước

C. tác dụng với axit tạo thành muối và nước

D. bị nhiệt phân huỷ tạo ra oxit bazơ và nước

**Câu 15:** Dẫn hỗn hợp khí gồm CO2, CO, SO2 đi qua dung dịch KOH (dư), khí thoát ra là :

A. CO B. CO2 C. SO2 D. CO2 và SO2

**Câu 16:**  Dãy các chất tác dụng được với dung dịch HCl tạo thành sản phẩm có chất khí:

A. BaO, Fe, CaCO3 B. Al, MgO, KOH

C. Na2SO3, CaCO3, Zn D. Zn, Fe2O3, Na2SO3

**Câu 17:** Sơ đồ phản ứng nào sau đây dùng để sản xuất axit sunfuric trong công nghiệp ?

A. Cu  SO2  SO3  H2SO4 . B. Na2SO3  SO2 SO3  H2SO4.

C. K2SO3  SO2  SO3  H2SO4. D. FeS2  SO2  SO3  H2SO4.

**Câu 18**: Để nhận biết 3 ống nghiệm chứa dung dịch HCl , dung dịch H2SO4 và nước ta dùng quỳ tím và:

A. dung dịch NaCl . B. dung dịch NaNO3.

C. dung dịch Na2SO4. D. dung dịch BaCl2.

**Câu 19:** Cho cùng một lượng sắt và kẽm tác dụng hết với axit clohiđric thì lượng khí H2 thoát ra:

A. từ sắt nhiều hơn kẽm . B. từ kẽm nhiều hơn sắt.

C. từ sắt và kẽm như nhau. D. từ sắt gấp 2 lần lượng H2 thoát ra từ kẽm

**Câu 20:** Cho các bazơ sau: Fe(OH)3, Al(OH)3, Cu(OH)2, Zn(OH)2. Khi nung nóng các bazơ trên tạo ra dãy oxit bazơ tương ứng là:

A. FeO, Al2O3, CuO, ZnO B. Fe2O3, Al2O3, CuO, ZnO

C. Fe3O4, Al2O3, CuO, ZnO D. Fe2O3, Al2O3, Cu2O, ZnO

**Câu 22:** Dãy các bazơ đều làm đổi màu quỳ tím và dung dịch phenolphtalein :

A. KOH, Ca(OH)2, Cu(OH)2, Zn(OH)2 B. NaOH, Al(OH)3, Ba(OH)2, Cu(OH)2

C. Ca(OH)2, KOH, Zn(OH)2, Fe(OH)2 D. NaOH, KOH, Ca(OH)2, Ba(OH)2

**Câu 24:** Có ba lọ không nhãn, mỗi lọ đựng một dung dịch các chất sau: NaOH, Ba(OH)2, NaCl. Thuốc thử để nhận biết ba chất là quỳ tím và:

A. dung dịch HCl B. dung dịch BaCl2

C. dung dịch H2SO4 D. dung dịch KCl

**Câu 25:** Để làm sạch Fe2O3 có lẫn BaO ta dùng:

A. nước. B. giấy quì tím. C. dung dịch HCl. D. dung dịch NaOH.

**Câu 27:** Cho 4,8 gam kim loại magie tác dụng vừa đủ với dung dịch axit sunfuric. Thể tích khí Hiđro thu được ở đktc là:

A. 44,8 lít B. 4,48 lít C. 2,24 lít D. 0,224 lít

**Câu 29:** NaOH rắn có khả năng hút nước rất mạnh nên có thể dùng làm khô một số chất. NaOH làm khô khí ẩm nào sau đây?

A. H2S. B. H2. C. CO2. D. SO2.

**Câu 30:** Dãy các chất thuộc loại axit mạnh là:

A. HCl, H2SO4, H2S. B. H2SO4, HNO3, H2S.

C. HCl, H2SO4, HNO3 D. H2SO4, HNO3, H2CO­3.

**Câu 33:** Trong tự nhiên muối natri clorua có nhiều trong:

A. nước biển. B. nước mưa. C. nước sông. D. nước giếng.

**Câu 34:** Dãy chất nào sau đây bị nhiệt phân hủy ở nhiệt độ cao:

A. BaSO3, BaCl2, KOH, Na2SO4 B. AgNO3, Na2CO3, KCl, BaSO4

C. CaCO3, Zn(OH)2, KNO3, KMnO4 D. Fe(OH)3, Na2SO4, BaSO4, KCl

**Câu 35:** Điện phân dung dịch natri clorua (NaCl) bão hoà trong bình điện phân có màng ngăn ta thu được các khí là:

A. H2 và O2. B. H2 và Cl2. C. O2 và Cl2. D. Cl2 và HCl

**Câu 37:** Cho một mẫu giấy quỳ tím vào dung dịch KOH. Thêm từ từ dung dịch H2SO4 vào cho đến dư ta thấy giấy quì:

A. màu đỏ không thay đổi B. màu đỏ chuyển dần sang xanh.

C. màu xanh không thay đổi D. màu xanh chuyển dần sang đỏ.

**Câu 42:** Cho a g Na2CO3 vào dung dịch HCl, sau phản ứng thu được 3,36 lít khí ở đktc. Vậy a có giá trị:

A. 15,9 g B. 10,5 g C. 34,8 g . D. 18,2 g

**Câu 44:** Cho 4,8 gam kim loại M có hóa trị II vào dung dịch HCl dư , thấy thoát ra 4,48 lít khí hidro (ở đktc). Vậy kim loại M là :

A. Ca B. Mg C. Fe D. Ba

**Câu 45**Trộn dung dịch có chứa 0,2mol CuSO4 và một dung dịch chứa 0,5 mol NaOH, lọc kết tủa, rửa sạch rồi đem nung đến khối lượng không đổi thu được m g chất rắn. Giá trị m là:

A. 4 g B. 16 g C. 8 g D. 12 g

**ĐỀ 2**

**Câu 6**: Sản phẩm của phản ứng phân hủy canxicacbonat bởi nhiệt là :

A. CaO và CO B. CaO và CO2 C. CaO và SO2 D. CaO và P2O5

**Câu 7:** Dãy gồm các kim loại tác dụng được với dung dịch HCl là:

A. Fe, Cu, Mg. B. Zn, Fe, Cu.

C. Zn, Fe, Al. D. Fe, Zn, Ag

**Câu 8:** CuO tác dụng với dung dịch HCl tạo thành dung dịch:

A. không màu. B. màu hồng. C. màu xanh D. màu vàng

**Câu 9:** Muốn pha loãng axit sunfuric đặc ta phải:

A. rót nước vào axit đặc. B. rót từ từ nước vào axit đặc.

C. rót nhanh axit đặc vào nước. D. rót từ từ axit đặc vào nước.

**Câu 11** : Oxit tác dụng với nước tạo ra dung dịch làm quỳ tím hóa đỏ là:

A. CO B. P2O5 C. Na2O D. MgO

**Câu 14**. Bazơ tan và không tan có tính chất hoá học chung là:

A. làm quỳ tím hoá xanh

B. tác dụng với oxit axit tạo thành muối và nước

C. tác dụng với axit tạo thành muối và nước

D. bị nhiệt phân huỷ tạo ra oxit bazơ và nước

**Câu 1:** Dãy oxit tác dụng với nước là:

A. CaO, Fe2O3, SO2, CO2. B. CaO, CuO, CO, N2O5.

C. SO2, MgO, CuO, Ag2O. D. CO2, SO2, P2O5, SO3.

**Câu 2:** Dãy oxit tác dụng với dung dịch axit là:

A. CuO, Fe2O3, SO2, CO2. B. CaO, CuO, CO, N2O5.

C. CuO, Na2O, K2O, ZnO. D. SO2, MgO, CuO, Ag2O.

**Câu 3**: Dãy oxit vừa tác dụng với axit, vừa tác dụng với kiềm là:

A. Al2O3, ZnO B. Al2O3, MgO C. CaO, FeO D. CuO, Al2O3

**Câu 4:** Cặp oxit tác dụng với nhau tạo thành muối là:

A. CO2 và Fe2O3. B. K2O và CO2 C. Al2O3 và SO3. D. MgO và CO.

**Câu 5:** Oxit tác dụng với nước tạo ra dung dịch axit sunfuric là:

A. CO2 B. SO3 C. SO2 D. K2O

**Câu 15:** Dẫn hỗn hợp khí gồm CO2, CO, SO2 đi qua dung dịch NaOH (dư), khí thoát ra là :

A. CO B. CO2 C. SO2 D. CO2 và SO2

**Câu 16:**  Dãy các chất tác dụng được với dung dịch HCl tạo thành sản phẩm có chất khí:

A. BaO, Fe, CaCO3 B. Al, MgO, KOH

C. K2SO3, CaCO3, Al D. Zn, Fe2O3, Na2SO3

**Câu 17:** Sơ đồ phản ứng nào sau đây dùng để sản xuất axit sunfuric trong công nghiệp ?

A. Cu  SO2  SO3  H2SO4 . B. Na2SO3  SO2 SO3  H2SO4.

C. K2SO3  SO2  SO3  H2SO4. D. FeS2  SO2  SO3  H2SO4.

**Câu 18**: Để nhận biết 3 ống nghiệm chứa dung dịch HCl , dung dịch H2SO4 và nước ta dùng quỳ tím và:

A. dung dịch NaCl . B. dung dịch NaNO3.

C. dung dịch Na2SO4. D. dung dịch BaCl2.

**Câu 19:** Cho cùng một lượng magie và kẽm tác dụng hết với axit clohiđric thì lượng khí H2 thoát ra:

A. từ magie nhiều hơn kẽm . B. từ kẽm nhiều hơn magie.

C. từ magie và kẽm như nhau. D. từ magie gấp 2 lần lượng H2 thoát ra từ kẽm

**Câu 20:** Cho các bazơ sau: Fe(OH)3, Al(OH)3, Cu(OH)2, Zn(OH)2. Khi nung nóng các bazơ trên tạo ra dãy oxit bazơ tương ứng là:

A. FeO, Al2O3, CuO, ZnO B. Fe2O3, Al2O3, CuO, ZnO

C. Fe3O4, Al2O3, CuO, ZnO D. Fe2O3, Al2O3, Cu2O, ZnO

**Câu 22:** Dãy các bazơ đều làm đổi màu quỳ tím và dung dịch phenolphtalein :

A. KOH, Ca(OH)2, Cu(OH)2, Zn(OH)2 B. NaOH, Al(OH)3, Ba(OH)2, Cu(OH)2

C. Ca(OH)2, KOH, Zn(OH)2, Fe(OH)2 D. NaOH, KOH, Ca(OH)2, Ba(OH)2

**Câu 24:** Có ba lọ không nhãn, mỗi lọ đựng một dung dịch các chất sau: NaOH, Ba(OH)2, NaCl. Thuốc thử để nhận biết ba chất là quỳ tím và:

A. dung dịch HCl B. dung dịch BaCl2

C. dung dịch H2SO4 D. dung dịch KCl

**Câu 25:** Để làm sạch Fe2O3 có lẫn BaO ta dùng:

A. nước. B. giấy quì tím. C. dung dịch HCl. D. dung dịch NaOH.

**Câu 27:** Cho 13 gam kim loại kẽm tác dụng vừa đủ với dung dịch axit sunfuric. Thể tích khí Hiđro thu được ở đktc là:

A. 44,8 lít B. 4,48 lít C. 2,24 lít D. 0,224 lít

**Câu 29:** NaOH rắn có khả năng hút nước rất mạnh nên có thể dùng làm khô một số chất. NaOH làm khô khí ẩm nào sau đây?

A. H2S. B. H2. C. CO2. D. SO2.

**Câu 30:** Dãy các chất thuộc loại axit mạnh là:

A. HCl, H2SO4, H2S. B. H2SO4, HNO3, H2S.

C. HCl, H2SO4, HNO3 D. H2SO4, HNO3, H2CO­3.

**Câu 33:** Trong tự nhiên muối natri clorua có nhiều trong:

A. nước biển. B. nước mưa. C. nước sông. D. nước giếng.

**Câu 34:** Dãy chất nào sau đây bị nhiệt phân hủy ở nhiệt độ cao:

A. BaSO3, BaCl2, KOH, Na2SO4 B. AgNO3, Na2CO3, KCl, BaSO4

C. CaCO3, Zn(OH)2, KNO3, KMnO4 D. Fe(OH)3, Na2SO4, BaSO4, KCl

**Câu 35:** Điện phân dung dịch natri clorua (NaCl) bão hoà trong bình điện phân có màng ngăn ta thu được các khí là:

A. H2 và O2. B. H2 và Cl2. C. O2 và Cl2. D. Cl2 và HCl

**Câu 37:** Cho một mẫu giấy quỳ tím vào dung dịch NaOH. Thêm từ từ dung dịch HCl vào cho đến dư ta thấy giấy quì:

A. màu đỏ không thay đổi B. màu đỏ chuyển dần sang xanh.

C. màu xanh không thay đổi D. màu xanh chuyển dần sang đỏ.

**Câu 42:** Cho a g Na2CO3 vào dung dịch HCl, sau phản ứng thu được 3,36 lít khí ở đktc. Vậy a có giá trị:

A. 15,9 g B. 10,5 g C. 34,8 g . D. 18,2 g

**Câu 44:** Cho 4,8 gam kim loại M có hóa trị II vào dung dịch HCl dư , thấy thoát ra 4,48 lít khí hidro (ở đktc). Vậy kim loại M là :

A. Ca B. Mg C. Fe D. Ba

**Câu 45**Trộn dung dịch có chứa 0,2mol CuSO4 và một dung dịch chứa 0,5 mol NaOH, lọc kết tủa, rửa sạch rồi đem nung đến khối lượng không đổi thu được m g chất rắn. Giá trị m là:

A. 4 g B. 16 g C. 8 g D. 12 g